

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HS – ST.

Ngày 28/11/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Nik Êban và ông Lê Khắc Dũng.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Chức vụ: Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Tiến – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HS ngày 20/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lưu Xuân P. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Sinh ngày 02/7/1980, tại huyện H, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông: Lưu Văn S, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1957; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (đã ly hôn năm 2023); có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006 (đã chết); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 21/HS-ST ngày 18/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại Quyết định số 42 ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Chấp hành xong vào ngày 09/7/2021.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện E theo quyết định tạm giam số 24/2024/HSST-QĐTG ngày 24/9/2024 của TAND huyện Ea Kar trong vụ án: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (xét xử ngày 24/9/2024). (Bị cáo có mặt)

2. Họ và tên: Trương Ngọc T1. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Sinh ngày 23/12/1994, tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Trương Ngọc V, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960, hiện sống và làm nông tại: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vợ bị cáo: Nông Thị T3, sinh năm 1999, hiện sống và làm công nhân tại G, tỉnh Đồng Nai; có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. *(Có mặt)*

- Bị hại:

+ Ông Lý Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

+ Bà Quách Thị H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn I, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. *(vắng mặt không lý do)*

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn T5, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Ông Bùi Sỹ N1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ dân phố 3b, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(vắng mặt tại phiên tòa)*

+ Ông Lê Hoàng N2, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/4/2024 đến ngày 22/5/2024, Lưu Xuân P, trú tại: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện M'Đrăk và địa bàn huyện E, tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

+ **Vụ thứ nhất:** Khoảng 15^h00' ngày 03/4/2024, Lưu Xuân P đi bộ quanh khu vực thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk tìm tài sản của người dân sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 15^h30' cùng ngày, khi đi qua nhà ông Nông Văn T6, thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trước sân nhà ông Nông Văn T6 có dựng 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX FI, màu đen xanh, biển kiểm soát 47F1 – 523.71, có cấm chìa khóa ở ổ khóa điện không có người trông coi (Xe của anh Lý Văn C, trú tại thôn C, xã E) nên Lưu Xuân P vào lấy trộm chiếc xe này đem về nhà tại: Buôn E, xã E, huyện E cất giấu. Đến ngày 03/5/2024, Lưu Xuân P mang xe đến bán cho ông Bùi Sỹ N1 là chủ cửa hàng xe máy Năm T7 tại: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với giá 12.100.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong quá trình trao

đổi mua bán xe, ông Bùi Sỹ N1 không biết chiếc xe trên là do Lưu Xuân P trộm cắp mà có. Sau đó ông Bùi Sỹ N1 đã bán xe BKS 47F1 – 523.71 cùng giấy tờ xe cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch, trong quá trình điều tra không thu giữ được chiếc xe.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐ 97 ngày 12/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: Tại thời điểm ngày 03/4/2024, xe mô tô BKS 47F1 – 523.71, nhãn hiệu Honda Wave RSX FI, màu đen xanh, sản xuất năm 2019 có giá 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

+ **Vụ thứ hai:** Khoảng 09^h00' ngày 10/5/2024, Lưu Xuân P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47F1 – 016.41 đi đến địa bàn buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để trộm cắp tài sản. Khi qua nhà bà Trương Thị T8 thuộc buôn E, xã E, huyện E thì thấy có 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda VISON màu trắng nâu, biển kiểm soát 47F1 – 457.31 đang dựng trước cổng nhà bà Trương Thị T8, có cắm chìa khóa ở ổ khóa điện không có người trông coi (Xe của bà Quách Thị H, trú tại thôn E, xã E, huyện E), lúc này Lưu Xuân P điều khiển xe 47F1 - 016.41 đậu lại bên đường bê tông cách khoảng 100m so với vị trí xe 47F1 - 457.31; Lưu Xuân P bỏ xe 47F1 – 016.41 lại rồi đi bộ đến gần xe 47F1 – 457.31. Sau đó Lưu Xuân P trộm xe 47F1 – 457.31 điều khiển xe chạy về hướng thị trấn M'Đrăk, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk rồi mang đến cửa hàng xe máy Anh Q tại thôn A, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk bán cho anh Phan Văn T5, là chủ cửa hàng xe máy với giá 16.500.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong quá trình trao đổi mua bán xe, anh T5 không biết chiếc xe mô tô trên là do Lưu Xuân P trộm cắp mà có.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐ ngày 26/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: Tại thời điểm ngày 10/5/2024, xe mô tô BKS 47F1 – 45..., hiệu Honda VISON, màu trắng nâu (đã qua sử dụng) có trị giá là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

+ **Vụ thứ ba:** Ngày 11/5/2024, Lưu Xuân P đến thuê phòng tại nhà nghỉ T9 của bà Lê Thị Kim N, trú tại: Tổ dân phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk với mục đích tìm tài sản của người dân sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 12^h30' ngày 15/5/2024, sau khi quan sát thấy trong sân nhà bà Lê Thị Kim N có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47G1 – 023.59 hiệu H1, có cắm chìa khóa ở ổ khóa điện và thấy nhà bà Lê Thị Kim N đã ngủ trưa nên Lưu Xuân P lén lút dắt trộm chiếc xe mô tô 47G1 – 02...ra ngoài đường nổ máy điều khiển xe chạy về nhà tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trên đường mang xe đi để tiêu thụ thì Lưu Xuân P gặp Trương Ngọc T1, trú tại: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đang đi bộ trên đoạn đường gần nhà Trương Ngọc T1; Lưu Xuân P rủ Trương Ngọc T1 đi cùng để bán chiếc xe 47G1 – 02.... Qua trao đổi Trương Ngọc T1 biết rõ xe mô tô 47F1 – 02... là do Lưu Xuân P trộm cắp mà có nhưng Trương Ngọc T1 vẫn đồng ý cùng Lưu Xuân P qua thị xã B để bán chiếc xe. Khi Lưu Xuân P và Trương Ngọc T1 đến địa phận: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì mang xe đến cửa hàng xe máy cũ H bán cho anh Lê Hoàng N2 với giá 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*); số tiền này cả hai cùng tiêu xài chung. Trong quá trình trao đổi mua bán xe, anh N2 không biết chiếc xe mô tô trên là do Lưu Xuân P trộm cắp mà có.

+ **Vụ thứ tư:** Vào khoảng 15^h00' ngày 22/5/2024, Lư Xuân P đi bộ từ xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo đường vào xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk tìm kiếm tài sản của người dân để trộm cắp. Đến khoảng 15^h50' cùng ngày, khi đi qua nhà bà Nguyễn Thị T4, trú tại thôn I, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk thì Lư Xuân P thấy xe mô tô BKS 47G1 – 21... màu đen, đỏ, hiệu Honda Wave RSX của bà T4 đang dựng trong sân, có chìa khóa ở ổ khóa không có người trông coi, Lư Xuân P đi vào trong sân dắt xe ra ngoài đường nổ máy và điều khiển chạy về hướng huyện E. Đến 19^h00' cùng ngày, Lư Xuân P điều khiển xe 47G1 – 21... đến khu vực tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để mua ma túy sử dụng. Khi gặp người bán ma túy (Không xác định được nhân thân lai lịch), do Lư Xuân P đưa tiền thiếu nên người này không bán và đe dọa đuổi đánh Lư Xuân P. Do sợ bị đánh nên Lư Xuân P đã bỏ lại xe mô tô BKS 47G1 – 21... trên đường T, thị trấn E, huyện E rồi bỏ chạy. Qua công tác tuần tra đêm thường xuyên của lực lượng Công an huyện E đã phát hiện xe 47G1 – 21... tại khu vực tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E và tạm giữ theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 282/KL-HĐĐG ngày 12/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M'Đrăk, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đen – đỏ, BKS 47G1 – 21... đã qua sử dụng từ năm 2018, tại thời điểm tháng 05 năm 2024 có giá trị là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*). Xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đen - đỏ - bạc, BKS 47G1 – 02... đã qua sử dụng từ năm 2013, tại thời điểm tháng 05 năm 2024 có giá trị là 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản trong 04 vụ trộm cắp do Lư Xuân P gây ra là 46.500.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*)

Bản Cáo trạng số 76/CT - VKS ngày 28 tháng 10 năm 2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố Lư Xuân P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố Trương Ngọc T1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Phần tranh luận

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung cáo trạng, và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lư Xuân P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc T1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lư Xuân P từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt của Bản án số 57/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, buộc bị cáo Lư Xuân P phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày 30/5/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T1 từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Lưu Xuân P phải bồi thường cho ông Phan Văn T5 số tiền 16.500.000 đồng, Lý Văn C số tiền 13.000.000 đồng.

Chấp nhận việc bị cáo Trương Ngọc T1 tự nguyện bồi thường cho anh Lê Hoàng N2 số tiền 8.000.000 đồng.

Về vật chứng: Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp là bà Lê Thị Kim N, bà Nguyễn Thị T4, theo biên bản trao trả tài sản ngày 20/6/2024 và Cơ quan điều tra Công an huyện E trả lại tài sản cho bà Quách Thị H, ông Nguyễn Văn P1 các tài sản theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 18/9/2024.

Các bị cáo Lưu Xuân P, Trương Ngọc T1, bị hại ông Lý Văn C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng N2 không tham gia tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa Lưu Xuân P, Trương Ngọc T1 thừa nhận diễn biến hành vi như nội dung Bản cáo trạng số 76/CT- VKS ngày 28/10/2024.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/4/2024 đến ngày 22/5/2024 bị cáo Lưu Xuân P đi lang thang trên địa bàn huyện E và huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk để tìm sơ hở của các chủ sở hữu tài sản để trộm cắp tài sản và bị cáo đã chiếm đoạt xe mô tô Honda Wave RSX FI, biển kiểm soát 47F1 – 52... của ông Lý Văn C, xe mô tô Honda VISON BKS 47F1 – 45... của bà Quách Thị H, xe mô tô Honda, loại Ari Blade BKS 47G1 – 02... của bà Lê Thị Kim N và xe mô tô Honda Wave RSX BKS 47G1 – 21... của bà Nguyễn Thị T4. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 46.500.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 15/5/2024, khi bị cáo Lưu Xuân P rủ bị cáo Trương Ngọc T1 đi thị xã B để bán xe mô tô Honda Ari Blade BKS 47G1 – 02.... Dù biết chiếc xe mô tô này do bị cáo Lưu Xuân P phạm tội mà có, nhưng bị cáo Trương Ngọc T1 vẫn đồng ý cùng bị cáo Lưu Xuân P đưa đi tiêu thụ để lấy tiền ăn tiêu.

Hành vi của bị cáo Lưu Xuân P đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Trương Ngọc T1 đã cấu

thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, quy định:

“*1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*”

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo Lưu Xuân P đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Tại phiên tòa bị cáo Lưu Xuân P nhận thức được rằng, tài sản hợp pháp là thành quả, công sức lao động của người dân qua thời gian dài lao động, tiết kiệm mới có và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị pháp luật trừng trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, nên bị cáo Lưu Xuân P vẫn cố ý thực hiện, chỉ trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã liên tiếp 04 lần thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” của người khác.

Đối với bị cáo Trương Ngọc T1 khi được bị cáo Lưu Xuân P rủ cùng đi bán chiếc xe mô tô 47G1-02.... Mặc dù bị cáo Trương Ngọc T1 biết nguồn gốc chiếc xe mô tô này do bị cáo Lưu Xuân P trộm cắp mà có, nhưng Trương Ngọc T1 vẫn đồng ý đi cùng bị cáo Lưu Xuân P để tiêu thụ lấy tiền tiêu xài, đã gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo Trương Ngọc T1 đã cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Do đó cần phải xử lý các bị cáo Lưu Xuân P, Trương Ngọc T1 theo quy định của pháp luật hình sự cho tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để lượng hình cho các bị cáo.

[5.1] Nhân thân: Bị cáo Lưu Xuân P có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An kết án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã chấp hành xong các bản án và quyết định này.

Bị cáo Trương Ngọc T1 có nhân thân tốt chưa bị kết án và chưa bị xử lý hành chính

[5.2] Tình tiết tăng nặng: Đối với bị cáo Lưu Xuân P, trong 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này, thì cả 04 lần hành vi của bị cáo đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nhưng chưa có hành vi nào bị pháp luật xử lý. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trương Ngọc T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ:

Đối bị cáo Lưu Xuân P: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản phạm tội có giá trị không lớn, cơ bản đã thu hồi trả lại cho bị hại, trình độ văn hóa thấp, không biết chữ, nên nhận thức có phần bị hạn chế. Cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trương Ngọc T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại toàn bộ số tiền cho anh Lê Hoàng N2, được anh Lê Hoàng N2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, con còn nhỏ. Cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, các bị cáo là các đối tượng nghiện ma túy, nên không thể để cho các bị cáo tự cải tạo ngoài đời sống xã hội mà cần cách ly các bị cáo Lưu Xuân P, Trương Ngọc T1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo là cần thiết.

Đối với hành vi của bị cáo Lưu Xuân P chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 47F1-01... của ông Nguyễn Văn P1, đã được xử lý trong Bản án số 57/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar nên không xem xét để xử lý trong vụ án này.

[6] Đối với ông Phan Văn T5, ông Bùi Sỹ N1, anh Lê Hoàng N2 là người mua tài sản là xe mô tô của bị cáo Lưu Xuân P, nhưng những người này không biết những tài sản này do bị cáo Lưu Xuân P phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý những người này.

[7] Các biện pháp tư pháp:

[7.1] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Xuân P đã chiếm đoạt xe mô tô Honda Wave RSX FI, biển kiểm soát 47F1 – 52... của ông Lý Văn C, xe mô tô Honda VISON BKS 47F1 – 45... của bà Quách Thị H, xe mô tô Honda Ari Blade BKS 47G1 – 02..., của bà Lê Thị Kim N và xe mô tô Honda Wave RSX BKS 47G1 – 21... của bà Nguyễn Thị T4. Quá trình điều tra đã được thu hồi xe mô tô Honda VISON BKS 47F1 – 457.31 của bà Quách Thị H, xe mô tô Honda Ari Blade BKS 47G1 – 023.59, của bà Lê Thị Kim N và xe mô tô Honda Wave RSX BKS 47G1 – 21... của bà Nguyễn Thị T4 và trả lại cho các bị hại. Tại phiên tòa các bị hại bà Quách Thị H, bà Lê Thị Kim N, bà Nguyễn Thị T4 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào. Xét việc không yêu cầu bồi thường của các bị hại này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên trách nhiệm dân sự đối các bị hại trên không đặt ra để giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47F1 – 52... mà Lưu Xuân P trộm của ông Lý Văn C và đem bán cho ông Bùi Sỹ N1 với giá 12.100.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 47F1 – 45... của bà Quách Thị H bán cho anh Phan Văn T5 với giá 16.500.000 đồng; xe mô tô BKS 47G1 – 02... của bà Lê Thị Kim N bán cho anh Lê Hoàng N2 với giá 8.000.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài hết.

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị hại ông Lý Văn C, và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn T5 yêu cầu bị cáo Lưu Xuân P phải trả lại số tiền này. Xét thấy việc yêu cầu đòi bồi thường số tiền này là có căn cứ, nên cần chấp nhận buộc bị cáo Lưu Xuân P phải trả cho ông Lý Văn C số tiền 13.000.000 đồng, ông Phan Văn T5 số tiền 16.500.000 đồng là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô Honda, loại Ari Blade BKS 47G1 – 02..., của bà Lê Thị Kim N mà bị cáo Lưu Xuân P, Trương Ngọc T1 bán cho anh Lê Hoàng N2 để lấy 8.000.000 đồng, số tiền này Lưu Xuân P, Trương Ngọc T1 cùng sử dụng, nên cần buộc Lưu Xuân P, Trương Ngọc T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thòi cho anh Lê Hoàng N2 số tiền này là có căn cứ. Tuy nhiên trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo Trương Ngọc T1 đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Hoàng N2 số tiền 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh Lê Hoàng N2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác, cần chấp nhận.

[6.2] Về xử lý vật chứng: Hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Xuân P đã chiếm đoạt xe mô tô Honda Wave RSX FI, biển kiểm soát 47F1 – 52... của ông Lý Văn C, xe mô tô Honda VISON BKS 47F1 – 45... của bà Quách Thị H, xe mô tô Honda, loại Ari Blade BKS 47G1 – 02... của bà Lê Thị Kim N và xe mô tô Honda Wave RSX BKS 47G1 – 21... của bà Nguyễn Thị T4.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Công an huyện E và Công an huyện M’Đrăk đã ra quyết định trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là bà Quách Thị H, xe mô tô Honda, loại Ari Blade BKS 47G1 – 02..., bà Lê Thị Kim N xe mô tô Honda Wave RSX BKS 47G1 – 21... và bà Nguyễn Thị T4, xe mô tô biển kiểm soát 47F1-01... của ông Nguyễn Văn P1 là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Đối với 01 đĩa CD-R lưu Video trích xuất Camera nhà bà Nguyễn Thị T4, 01 đĩa ghi âm ghi hình trong quá trình Cơ quan điều tra làm việc với Lưu Xuân P và 03 giấy mua bán xe mô tô cần thu giữ lưu hồ sơ vụ án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lưu Xuân P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc T1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Xuân P: **02 (Hai) năm 09 (chín) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo Lưu Xuân P phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **04 (Bốn)** năm **03 (Ba)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/5/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T1: **07 (bảy)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

II. Các biện pháp tư pháp:

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lưu Xuân P phải bồi thường cho ông Phan Văn T5 số tiền 16.500.000 đồng và bồi thường cho ông Lý Văn C số tiền 13.000.000 đồng.

Chấp nhận việc bị cáo Trương Ngọc T1 tự nguyện bồi thường cho anh Lê Hoàng N2 số tiền 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh Lê Hoàng N2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào khác. Nên trách nhiệm bồi thường đối anh Lê Hoàng N2 không đặt ra giải quyết tại phiên tòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Lưu Xuân P còn phải trả tiền lãi cho người được thi hành án đối với số tiền chưa thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện E và Cơ quan Công an huyện M’Đrăk trả lại xe mô tô Honda VISON BKS 47F1 – 45... cho bà Quách Thị H, xe mô tô Honda Ari Blade BKS 47G1 – 02... cho bà Lê Thị Kim N và xe mô tô Honda Wave RSX BKS 47G1 – 21... cho bà Nguyễn Thị T4 và xe mô tô biển kiểm soát 47F1-01... cho ông Nguyễn Văn P1.

Tiếp tục lưu hồ sơ 01 đĩa CD-R lưu video trích xuất Camera nhà bà Nguyễn Thị T4, 01 đĩa ghi âm ghi hình trong quá trình Cơ quan điều tra làm việc với Lưu Xuân P và 03 giấy mua bán xe mô tô.

III. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lưu Xuân P phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.475.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng 1.675.000 đồng tiền án phí. Buộc bị cáo Trương Ngọc T1 phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- ..TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Ea Kar;
- TANDTC
- CQĐT - CA Huyện Ea Kar;
- CQCSTHAHS - CA Huyện EaKar;
- Chi cục THADS Huyện EaKar;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuấn